

Thứ sáu, ngày 7 tháng 4 năm 2023

Vietnam Daily Review

Kết phiên giảm nhẹ

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 10/4/2023		•	
Tuần 10/4-14/4/2023		•	
Tháng 04/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường duy trì xu hướng giảm điểm biên độ hẹp trong phiên giao dịch hôm nay. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với số mã giảm áp đảo số mã tăng. Thị trường có 13/19 ngành tăng điểm, trong đó trụ đỡ của thị trường ở nhóm Dịch vụ tài chính. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Tín hiệu vận động của VN-Index vẫn chưa có dấu hiệu rõ ràng với các phiên test ngưỡng 1,060 sẽ diễn ra vào tuần sau. Mùa KQKD đang diễn ra là giai đoạn chứng khiến sự phân hóa dòng tiền vào các cổ phiếu cơ bản tốt với triển vọng kinh doanh tích cực. Khuyến nghị nhà đầu tư chờ đợi và cân nhắc mở vị thế với các cổ phiếu cơ bản khi tín hiệu tạo đáy của thị trường đã rõ ràng.

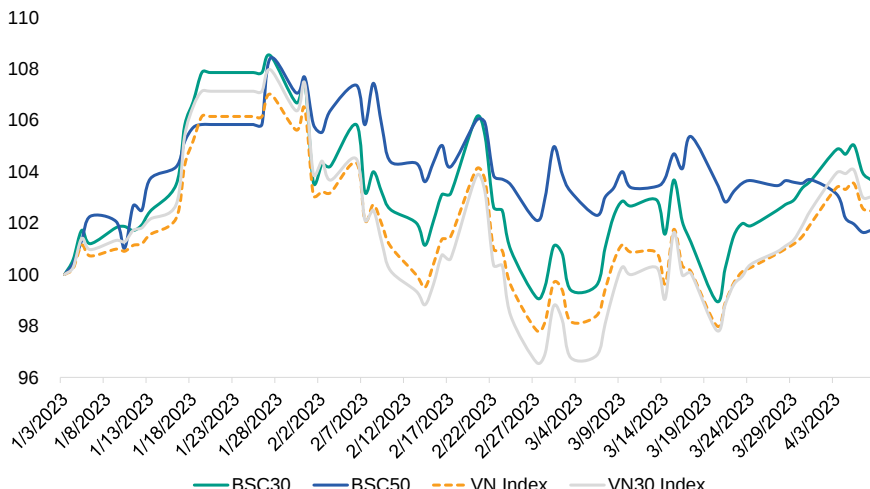
Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, riêng VN30F2306 biến động trái chiều. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 7/4/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-1.2** điểm, đóng cửa **1069.71** điểm. HNX-Index **+0.17** điểm, đóng cửa **211.6** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.3)**, **SSI (+0.24)**, **MSN (+0.21)**, **VNM (+0.21)**, **SHB (+0.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.42)**, **VHM (-0.55)**, **BID (-0.44)**, **HPG (-0.44)**, **VRE (-0.18)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **9,555** tỷ đồng, giảm **-35.61%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 10,782 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 9.24 điểm. Thị trường có **159** mã tăng, 54 mã tham chiếu, **219** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-158.5** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (-95.16 tỷ)**, **KDH (-51.82 tỷ)**, **KBC (-40.22 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-1.73** tỷ đồng.

Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường (Chi tiết - trang 5)



BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

VN-INDEX **1069.71**
Giá trị: 9555.21 tỷ **-1.2 (-0.11%)**
Khối ngoại (ròng): -158.5 tỷ

HNX-INDEX **211.60**
Giá trị: 1426.9 tỷ **0.17 (0.08%)**
Khối ngoại (ròng): -1.73 tỷ

UPCOM-INDEX **78.16**
Giá trị: 397.08 tỷ **-0.18 (-0.23%)**
Khối ngoại (ròng): -3.32 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	68.9	0.80%
Giá vàng	1,930	0.57%
Tỷ giá USD/VND	23,590	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	25,136	0.46%
Tỷ giá JPY/VND	177	0.16%
LS liên NH 1 tháng	5.5%	0.71%
LS TPCP 5 năm	2.9%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
SSI	31.55	STB	-95.16
DXG	17.76	KDH	-51.82
PAN	10.75	KBC	-40.22
DIG	10.57	VCB	-36.52
PLX	10.38	FUEV/VND	-24.40

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Hiệu suất PTKT	Trang 3
Thông kê thị trường	Trang 5
Danh mục BSC30	Trang 6
Danh mục BSC50	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 7/4

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	68.26	0.97%	-9.85%	-10.82%	-31.31%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	74.61	1.24%	-8.56%	-9.75%	-27.96%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.50	2.33%	-4.22%	-4.85%	-21.59%	HVN, VJC	PLX, OIL
Vàng	Ounce	1919.24	0.06%	4.83%	4.22%	-1.20%		PNJ
Bạc	Ounce	21.67	-0.52%	7.98%	-0.25%	-14.46%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1491.50	0.15%	-1.27%	-2.02%	-10.61%	DBC, QNS	HKB
Lúa mì	Bushel	699.00	-0.53%	4.99%	-9.95%	-35.04%	AFX	
Sữa	Cwt	18.00	0.17%	1.35%	0.56%	-19.61%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	129.30	-2.42%	-3.94%	-5.90%	-24.69%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	20.76	1.27%	-1.84%	-3.04%	11.08%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Chè	Kg	2.95	5.36%	5.36%	6.50%	6.50%		
Cà phê	LB	185.50	4.65%	4.21%	-1.70%	-14.63%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	LB	3.89	-0.11%	-4.01%	-5.27%	-17.23%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/ton	4255.00	-2.03%	0.00%	2.41%	-13.52%		HPG
Nhôm	Ton	2285.00	0.35%	-1.85%	-4.29%	-32.49%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	Ton	134.50	0.75%	4.67%	5.91%	-4.95%	HPG	
Than đá	Ton	175.00	-2.78%	-3.85%	-18.22%	-48.53%	HT1,HPG	HLC, NBC, TNT, THT

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch ngày 6/4, dầu thô Brent tăng 13 US cent tương đương 0.2% lên 85.12 USD/thùng và dầu thô Tây Texas WTI tăng 9 US cent tương đương 0.1% lên 80.7 USD/thùng.
- Giá dầu được hỗ trợ bởi tồn trữ dầu thô của Mỹ trong tuần trước giảm mạnh hơn dự kiến và có tuần giảm thứ 2 liên tiếp. Tồn trữ xăng và sản phẩm chưng cất cũng giảm, điều này cho thấy nhu cầu tăng. Tuy nhiên, mức tăng giá dầu bị hạn chế bởi số liệu thị trường lao động của Mỹ cho thấy tăng trưởng kinh tế chậm lại và tăng trưởng trong lĩnh vực dịch vụ của Mỹ chậm hơn so với dự kiến.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.6% xuống 2,009.07 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 6/2023 trên sàn New York giảm 0.5% xuống 2,026.4 USD/ounce.
- Tính chung cả tuần, giá vàng tăng hơn 2% và vượt ngưỡng 2,000 USD/ounce, do giá dầu tăng sau khi OPEC+ cắt giảm thêm sản lượng, trong khi số liệu cho thấy lĩnh vực dịch vụ của Mỹ chậm lại và ít cơ hội việc làm hơn.

Giá quặng sắt

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2023 trên sàn Đại Liên giảm 1% xuống mức thấp nhất 2 tuần 793 CNY (115.35 USD)/tấn, sau khi giảm 2.7% trong 2 ngày làm việc đầu tiên của tuần, trên sàn Singapore giảm 0.47% xuống mức thấp nhất 2 tuần (117.3 USD/tấn). Tính từ đầu tuần đến nay, giá quặng sắt giảm 6.4%.
- Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây giảm 1.5% xuống 3,938 CNY/tấn, thép cuộn cán nóng giảm 1.42% và thép không gỉ giảm 1.84%.

Giá nông sản

- Tại London, giá cà phê robusta kỳ hạn tháng 5/2023 giảm 15 USD tương đương 0.6% xuống 2,299 USD/tấn, giảm trở lại từ mức cao nhất 7 tháng (2,320 USD/tấn) trong phiên trước đó.

Thị trường chứng khoán thế giới

	7/4	% 7/4	6/4	% 6/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1069.71	-0.11%	1070.91	4.18%	0.48%	1.96%
S&P 500			4105.02	0.36%	1.34%	2.98%
HDTL S&P500	4128.50	-0.08%	4132.00	5.06%	-0.22%	2.37%
Shang-hai	3327.65	0.45%	3312.63	13.60%	2.04%	1.30%
Euro Stoxx	4309.45		4298.36	16.54%	0.56%	0.71%

* Giờ chốt dữ liệu: 15h00 hàng ngày theo giờ Việt Nam

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
3/16/2023	GVR	15	16.9	14	16.2	22	8.00%	Có thể tiếp tục mua
3/7/2023	HPG	21.1	24	19.8	21.5	31	1.90%	Có thể tiếp tục mua
3/2/2023	DDV	8.6	10	8	9.0	36	-100.00%	Cần nhắc cắt lỗ sớm
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

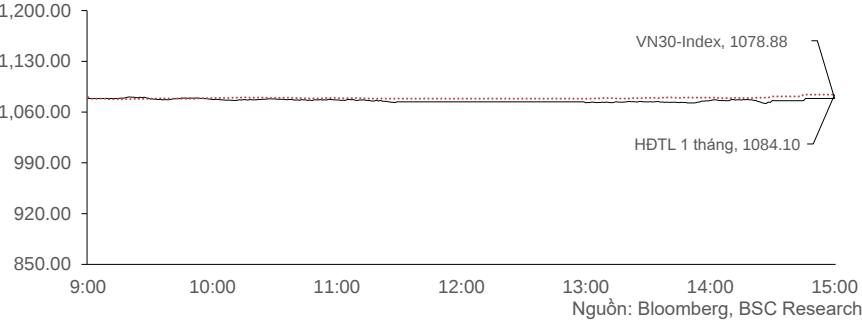
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	SL	8	-6.14%
19/12/22	VCS	57.7	70.5	53.3	SL	46	-7.63%
16/12/22	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
18/8/22	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
5/8/22	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
4/8/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
7/18/22	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
27/6/22	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
1/6/2022	PC1	38.5	43.3	35.2	TP	7	12.47%
25/5/22	FRT	82.7	103.9	76.3	TP	26	25.63%
19/5/22	DCM	31.4	40	28	TP	14	27.39%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	1	4.95%	-100.00%	-30.03%	30
Cổ phiếu đã chốt	251	232	7.01%	-7.45%	3.97%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Bảng 4 Hợp đồng tương lai							
CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2304	1075.10	0.20%	-3.78	16.2%	187,586	4/20/2023	13
VN30F2305	1071.70	0.16%	-7.18	47.7%	725	5/18/2023	41
VN30F2306	1069.20	-0.07%	-9.68	18.6%	70	6/15/2023	69
VN30F2309	1068.10	0.16%	-10.78	-16.2%	31	9/21/2023	167

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 0.02 điểm lên 1078.88 điểm, biên độ dao động 9.3 điểm. Các cổ phiếu như SSI, STB, ACB, MSN, và VNM đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 có một ngày giằng co trong vùng giá đỏ. Thị trường biến động với biên độ hẹp. Thanh khoản thị trường nằm dưới đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, riêng VN30F2306 biến động trái chiều. Xét về khối lượng, VN30F2309 giảm, tất cả các hợp đồng còn lại đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2304 giảm, các hợp đồng đều tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2211	8/31/2023	146	10:1	371,000	39.31%	1,200	150	7.14%	21	7.088	27,520	27,000	18,600
CVNM2211	6/6/2023	60	1.91:1	56,100	22.48%	2,500	1,460	1.39%	4,441	0.33	78,300	66,806	74,700
CVNM2212	9/5/2023	151	20:1	42,400	22.48%	2,200	810	1.25%	125	6.48	88,577	80,560	74,700
CMBB2213	6/6/2023	60	3:1	105,500	39.31%	1,550	790	0.00%	777	1.02	19,280	17,000	18,600
CHPG2225	6/6/2023	60	2:1	210,200	49.55%	1,550	1,490	-1.32%	2,413	0.62	21,290	17,000	21,200
CHPG2306	11/9/2023	216	8:1	643,300	49.55%	1,380	1,120	-1.75%	528	2.12	23,510	20,000	21,200
CTCB2215	9/5/2023	151	4:1	17,300	43.14%	1,700	1,540	-3.14%	1,277	1.21	31,020	26,500	29,550
CHPG2226	9/5/2023	151	4:1	18,100	49.55%	2,300	2,130	-3.18%	978	2.18	23,360	19,500	21,200
CHPG2303	7/17/2023	101	2:1	193,700	49.55%	2,800	2,250	-3.43%	708	3.18	26,140	23,900	21,200
CVHM2216	8/31/2023	146	16:1	890,300	38.71%	1,900	260	-3.70%	139	1.87	63,280	62,000	50,700
CVIB2201	9/5/2023	151	10:1	12,300	35.95%	2,400	2,310	-3.75%	354	6.53	23,348	20,500	20,900
CMBB2214	9/5/2023	151	2:1	436,800	39.31%	2,400	1,700	-3.95%	1,517	1.12	19,820	17,000	18,600
CTCB2214	6/6/2023	60	2:1	92,300	43.14%	2,470	1,100	-4.35%	1,786	0.62	29,160	27,000	29,550
CMBB2215	11/1/2023	208	2:1	92,200	39.31%	2,500	1,730	-5.98%	1,421	1.22	20,880	18,000	18,600
CHPG2304	8/16/2023	131	2:1	10,000	49.55%	2,700	1,480	-6.33%	1,042	1.42	26,140	23,000	21,200
CMBB2303	8/7/2023	122	19.8:1	58,800	39.31%	1,100	410	-6.82%	53	7.69	22,200	20,800	18,600
CHPG2227	11/1/2023	208	3:1	131,900	49.55%	2,400	2,190	-7.59%	1,303	1.68	24,500	20,500	21,200
CHPG2305	8/7/2023	122	7.26:1	21,200	49.55%	1,700	790	-10.23%	262	3.02	25,600	23,200	21,200
CVHM2219	9/5/2023	151	6:1	175,200	38.71%	2,800	1,020	-11.30%	670	1.52	59,350	56,000	50,700
CVHM2220	11/1/2023	208	8:1	172,200	38.71%	3,000	1,220	-12.86%	551	2.21	62,000	58,000	50,700

Tổng 3,750,800 41.34%**

Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất Lãi suất phi rủi ro là 4.75% **Trung bình độ lệch chuẩn	CR: Tỷ lệ chuyển đổi Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn *Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
------------	--	---

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 7/4/2023, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2303 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 12.57%. Giá trị giao dịch giảm -47.41%. CSTB2303 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 12.57%.
- CVNM2211, CTCB2214, CHPG2225, và CMBB2213 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2224, CSTB2225, CVPB2214, và CHPG2302 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVNM2211, CHPG2225, CVNM2207, và CHPG2301 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	15.90	1.92	0.30	2.32MLN
SSI	22.50	2.97	0.24	25.29MLN
MSN	77.60	0.78	0.21	611100
VNM	74.70	0.54	0.21	794400
SHB	11.60	2.20	0.19	30.15MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VCB	90.00	-1.32	-1	747200.00
VHM	50.70	-0.98	-1	779800
BID	45.65	-0.76	0	731900
HPG	21.20	-1.40	0	18.56MLN
VRE	29.20	-1.02	0	1.72MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

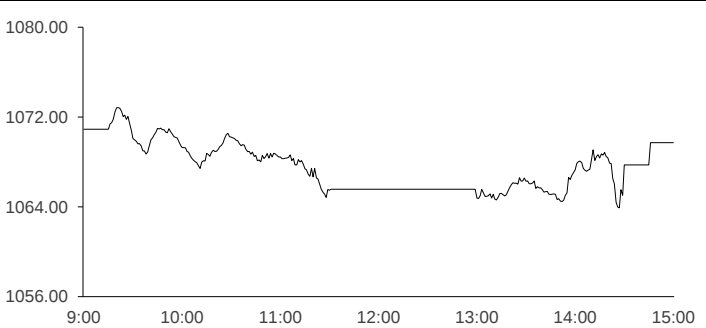
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BSI	26.75	7.00	0.08	1.14MLN
ILB	32.10	7.00	0.01	51300
VDS	8.88	6.99	0.03	1.21MLN
TCD	7.70	6.94	0.03	3.11MLN
DIG	17.00	6.92	0.17	27.90MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	90.00	-1.32	-1.42	747200
VHM	50.70	-0.98	-0.55	779800
BID	45.65	-0.76	-0.44	731900.00
HPG	21.20	-1.40	-0.44	18.56MLN
VRE	29.20	-1.02	-0.18	1.72MLN

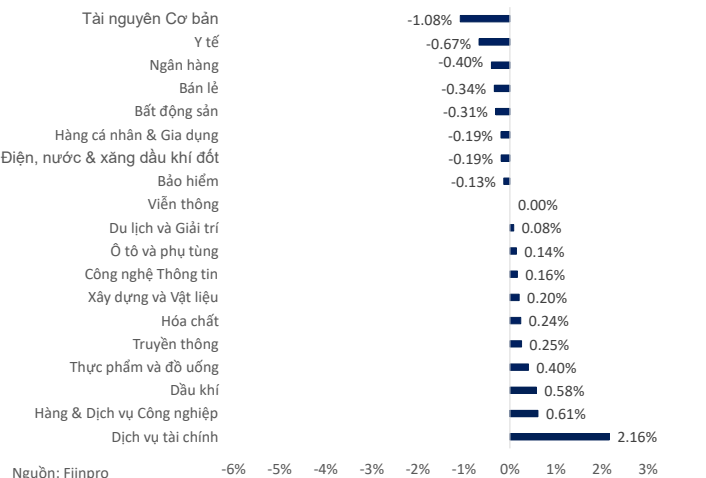
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Vận động ngành



Nguồn: Fiinpro

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	25.50	4.08	0.32	11.66MLN
SHS	9.50	2.15	0.25	26.71MLN
IDJ	11.70	9.35	0.23	6.96MLN
HUT	17.20	1.78	0.16	2.40MLN
MBS	16.90	5.63	0.14	6.05MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	41.50	-5.47	-0.59	14900
NVB	15.00	-1.96	-0.25	52600
THD	39.30	-0.51	-0.12	5400
VIF	11.40	-8.06	-0.06	1000
IPA	12.00	-1.64	-0.03	163500

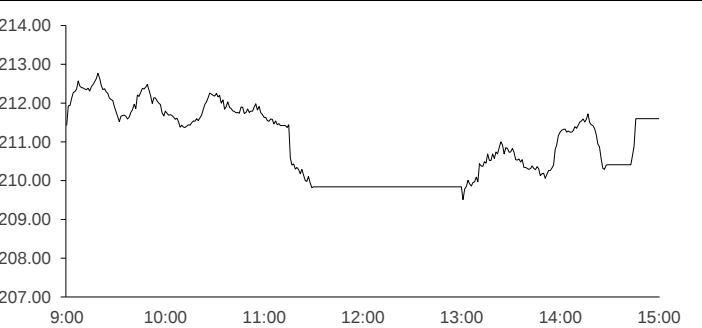
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCM	22.00	10.0	0.00	600
SFN	17.70	9.9	0.00	100
SAF	57.70	9.9	0.02	1900
APS	13.40	9.8	0.12	4.62MLN
API	12.60	9.6	0.08	2.44MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

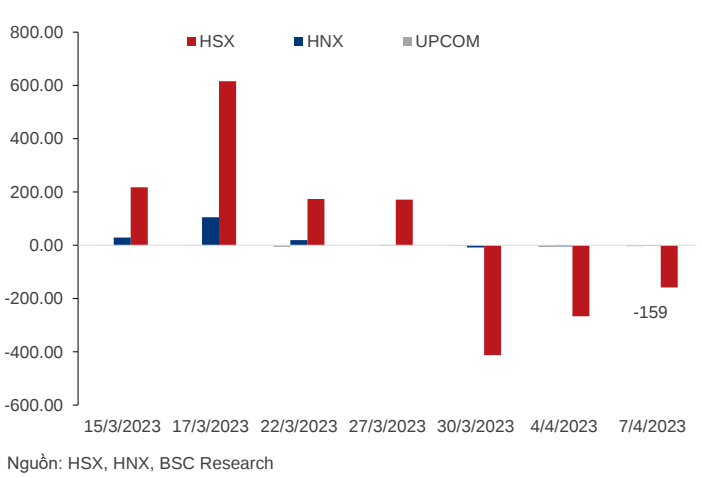
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PHN	36.00	-10.00	-0.02	100
TTC	11.70	-10.00	-0.01	300
TTT	69.30	-10.00	-0.01	100
VDL	15.60	-9.83	-0.01	1400
HTC	16.60	-9.78	-0.02	300

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

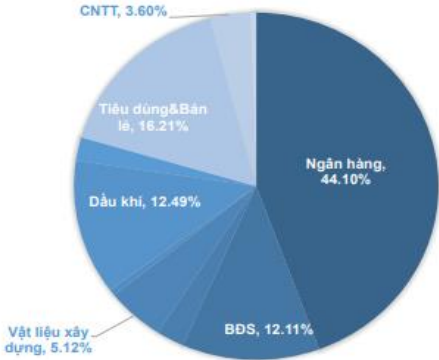
Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo bảo
VCB	Ngân hàng	90.0	-1.3%	0.9	18,519	2.9	7,311	12.3	105,000	23.6%	Link
BID	Ngân hàng	45.7	-0.8%	1.0	10,040	1.5	4,208	10.8	54,578	17.3%	Link
CTG	Ngân hàng	29.5	-0.2%	1.2	6,164	2.0	-			28.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.9	0.0%	1.2	6,100	6.9	-			17.6%	Link
ACB	Ngân hàng	25.1	0.6%	1.1	3,678	3.4	4,640	5.4	26,000	30.0%	Link
MBB	Ngân hàng	18.6	0.5%	1.1	3,667	6.9	4,603	4.0	24,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	26.0	1.4%	1.3	2,131	17.3	4,880	5.3	31,200	29.2%	Link
SSI	Chứng khoán	22.5	3.0%	1.7	1,467	24.3				42.8%	Link
GVR	BDS KCN	15.9	1.9%	1.8	2,765	1.6	1,217	13.1	19,100	0.5%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	21.2	-1.4%	1.0	5,360	17.3	1,916	11.1	25,000	23.4%	Link
HSG	Vật liệu xây dựng	16.2	-1.2%	2.1	421	10.5	1,896	8.5	18,500	10.6%	Link
VHM	BDS	50.7	-1.0%	0.9	9,599	1.7	5,227	9.7	68,300	23.9%	Link
VRE	BDS	29.2	-1.0%	0.4	2,885	2.2	1,576	18.5	31,800	32.5%	Link
NLG	BDS	29.3	0.3%	1.5	489	3.0	2,557	11.5	38,700	44.9%	Link
DPM	Phân bón	35.9	-3.0%	1.5	611	4.5	14,120	2.5	42,000	18.4%	Link
GAS	Dầu khí	101.2	-0.3%	0.8	8,421	0.6	6,793	14.9	122,300	3.0%	Link
PLX	Dầu khí	37.7	0.9%	0.8	2,083	1.9	2,625	14.4	42,000	18.1%	Link
BSR	Dầu khí	16.2	0.6%	1.6	2,184	4.5	2,292	7.1	18,400	41.1%	Link
PVS	Dầu khí	25.9	0.8%	1.3	538	4.0	1,340	19.3	31,100	20.4%	Link
PVT	Dầu khí	22.0	2.8%	1.3	309	2.8	2,929	7.5	24,300	18.3%	Link
POW	Tiện ích	13.1	-0.8%	1.2	1,329	2.7	993	13.1	13,000	6.3%	Link
REE	Tiện ích	69.4	0.1%	0.8	1,072	0.6	7,698	9.0	85,000	49.0%	Link
VNM	Tiêu dùng	74.7	0.5%	0.4	6,788	2.6	3,895	19.2	87,600	55.8%	Link
MSN	Tiêu dùng	77.6	0.8%	1.2	4,804	2.1	2,605	29.8	96,000	30.6%	Link
MWG	Bán lẻ	39.0	-0.3%	1.3	2,481	3.4	3,456	11.3	55,200	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	76.5	-0.4%	0.7	1,091	1.1	7,475	10.2	95,000	49.0%	Link
FRT	Bán lẻ	63.4	-0.9%	1.3	327	1.4	2,965	21.4	77,100	29.0%	Link
VHC	Thủy sản	54.6	-0.7%	1.2	435	0.5	12,800	4.3	67,500	30.5%	Link
GMD	Logistics	52.5	1.0%	0.7	688	1.1	7,059	7.4	57,000	48.8%	Link
FPT	Công nghệ	80.5	0.2%	0.8	3,840	1.3	5,901	13.6	91,900	49.0%	Link

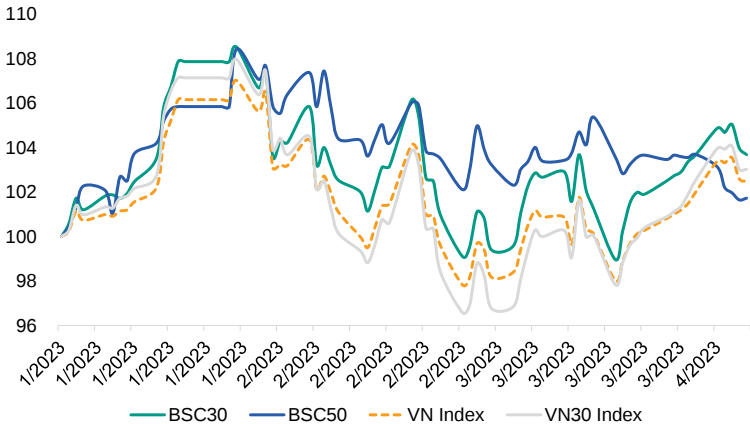
Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	-0.3%	0.1%	-0.1%	0.0%
1 tuần	0.0%	-1.9%	0.5%	0.5%
1 tháng	2.6%	-1.3%	3.1%	5.0%
3 tháng	0.5%	-3.9%	0.4%	0.9%



Hiệu suất BSC30, BSC50 so với thị trường



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
TCB	Ngân hàng	29.6	-0.2%	1.4	4,519	5.3	5,737	5.2	0.9	22.5%	19.7%
BVH	Bảo hiểm	48.5	0.0%	0.9	1,565	0.4	2,090	23.2	1.8	27.4%	7.5%
VND	Chứng khoán	15.8	1.0%	2.1	837	18.4	1,003	15.8	1.3		10.0%
FTS	Chứng khoán	27.5	6.8%	2.3	233	3.9	1,672	16.4	1.6	25.1%	10.1%
CII	Xây dựng	15.4	0.7%	1.8	168	3.4	3,003	5.1	0.7	9.3%	14.2%
CTD	Xây dựng	47.4	1.5%	1.8	152	1.1	281	168.7	0.4	49.1%	0.3%
HBC	Xây dựng	8.5	-0.1%	1.9	102	0.7	(4,168)		0.9	15.7%	-36.1%
LCG	Xây dựng	12.8	0.0%	2.0	106	3.4	996	12.9	1.0	3.5%	7.6%
BCM	KCN	80.2	-0.4%	0.9	3,609	0.2	1,356	59.1	4.9	2.8%	10.2%
IDC	KCN	40.6	0.0%	1.7	583	5.7	6,831	5.9	2.5	1.1%	50.1%
VGC	KCN	35.6	1.6%	1.5	693	1.7	3,855	9.2	2.1	5.0%	23.5%
VCS	Vật liệu	50.9	-0.6%	0.9	354	0.1	6,671	7.6	1.7	3.1%	23.6%
HT1	Vật liệu	15.4	0.3%	1.5	255	0.6	675	22.8	1.2	3.5%	5.0%
BMP	Vật liệu	62.7	3.3%	0.7	223	0.4	8,480	7.4	2.0	85.4%	28.3%
NKG	Vật liệu	14.8	-2.3%	2.2	169	8.0	(253)		0.7	12.2%	-1.2%
PTB	Vật liệu	42.1	0.5%	1.0	125	0.2	7,162	5.9	1.1	13.7%	19.5%
NVL	BĐS	13.4	1.1%	1.0	1,136	10.9	1,167	11.5	0.7	6.1%	6.2%
DIG	BĐS	17.0	6.9%	2.5	451	20.1	250	67.9	1.4	5.9%	2.0%
IJC	BĐS	14.0	1.4%	2.1	153	2.1	1,914	7.3	0.9	5.9%	13.5%
SCR	BĐS	7.8	4.4%	1.9	134	3.0	127	61.5	0.6	0.4%	1.0%
VEA	Ô tô	37.4	0.0%	0.5	2,161	0.2	5,709	6.6	2.0	5.0%	31.3%
DCM	Phân bón	24.9	-0.2%	1.4	572	3.1	7,702	3.2	1.2	10.7%	45.2%
PVD	Dầu khí	20.8	-1.0%	1.5	503	3.2	(0)		0.8	22.2%	-0.7%
PLC	Dầu khí	32.8	-0.9%	1.8	115	0.8	1,447	22.7	2.2	1.2%	9.0%
DRC	Săm & Lốp xe	22.1	-0.9%	1.3	114	0.3	2,586	8.5	1.4	8.4%	16.7%
GEX	Tiện ích	13.1	0.8%	1.8	485	5.3	433	30.3	0.9	12.2%	3.1%
NT2	Tiện ích	29.2	-1.2%	0.8	365	0.5	2,992	9.7	1.8	16.0%	19.5%
VSH	Tiện ích	40.1	0.0%	0.7	412	0.0	5,354	7.5	1.9	11.7%	28.0%
HDG	Tiện ích	31.3	-0.8%	1.5	333	0.8	4,280	7.3	1.4	20.5%	22.7%
PC1	Tiện ích	28.5	-0.3%	1.3	335	1.4	1,701	16.8	1.5	8.0%	9.4%
HND	Tiện ích	14.5	-0.7%	0.5	315	0.0	1,094	13.3	1.1	0.0%	8.7%
QTP	Tiện ích	14.4	-0.7%	0.6	282	0.2	1,698	8.5	1.1	1.0%	12.4%
GEG	Tiện ích	14.6	-0.3%	1.1	204	0.5	1,193	12.2	1.3	46.4%	8.1%
PPC	Tiện ích	14.2	0.0%	0.6	198	0.1	1,551	9.2	0.9	13.1%	9.9%
OIL	Tiện ích	9.1	1.1%	1.5	409	0.2	493	18.5	0.9	6.1%	5.0%
DHC		39.3	-0.8%	0.6	137	0.2	4,670	8.4	1.8	35.0%	22.0%
SAB	F&B, Bán lẻ	177.0	0.1%	0.2	4,935	0.5	7,959	22.2	4.9	62.6%	23.6%
QNS	F&B, Bán lẻ	41.7	-0.5%	0.5	647	0.5	4,226	9.9	1.7	19.3%	17.5%
DBC	F&B, Bán lẻ	14.3	0.0%	2.0	150	1.9	621	23.0	0.7	5.8%	3.2%
PET	F&B, Bán lẻ	22.0	2.3%	2.4	95	0.3	1,582	13.9	1.2		7.4%
HAG	F&B, Bán lẻ	7.5	-2.0%	1.4	300	2.8	1,218	6.1	1.4	2.8%	23.8%
ANV	Thủy sản	31.4	-0.5%	1.7	181	1.5	5,299	5.9	1.4	6.8%	25.8%
VJC	Logistics	103.0	0.8%	0.2	2,425	0.8	(4,010)		3.9	17.5%	-14.0%
HVN	Logistics	13.1	-1.1%	1.2	1,256	0.6	(4,720)			5.9%	
SCS	Logistics	66.8	0.1%	0.3	274	0.0	6,505	10.3	4.6	29.5%	48.1%
VSC	Logistics	28.9	-1.7%	0.5	152	0.3	2,592	11.2	1.3	3.0%	12.9%
VTP	Logistics	30.2	2.7%	1.0	149	1.2	1,956	15.4	2.5	14.2%	16.3%
HAH	Logistics	37.5	0.8%	1.0	115	2.3	10,224	3.7	1.1	9.6%	40.1%
CTR	Công nghệ	64.0	-2.4%	1.3	318	0.5	3,872	16.5	4.5	11.0%	30.2%
TNG	Dệt may	17.6	-1.1%	1.7	80	1.5	2,847	6.2	1.1	13.8%	19.0%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logisitic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2022	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click
6	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
13	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
18	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
19	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
21	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
23	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
24	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
25	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
26	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
27	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
28	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
29	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
30	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
31	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
32	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
34	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
35	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
37	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
38	Covid lần sóng thứ 4	x		Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
40	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
41	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
42	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
44	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639